TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P1c**

Bản án số: 800/2019/HS-PT
Ngày: 29 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Hoàng Thanh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử Phúc thẩm công khai vụ án hình sự Phúc thẩm thụ lý số: 237/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Lê Quang N và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2019/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Chí T, Giới tính: nam; sinh ngày 08.3.2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 713 đường C, Phường X5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: số 20/44 tổ 8, KP6, phường T, Quận X12, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 8/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông Nguyễn Chí Anh V và bà Nguyễn Thị P, bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú ngày 09.8.2017 sau đó bị tạm giữ từ ngày 10.8.2017 đến ngày 19.8.2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 30.11.2018 bị tạm giam theo Lệnh bắt tạm giam số 634-04 ngày 19.11.2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa – Công an Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Bị cáo bị kháng cáo:

2. Lê Quang N, Giới tính: nam; sinh ngày 20.10.2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 129/3 đường L, Phường X4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: số 157/6 đường T, Phường X5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 6/12; Nghề nghiệp: B vệ; Con ông Lâm Ngọc M Q (chết) và bà Lê Thị H1, bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú

ngày 08.8.2017 và bị tạm giữ ngày 09.8.2017, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Long Hòa (có mặt).

3. Lê M, Giới tính: nam; sinh ngày 27.01.2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 444[A] đường B, Phường X12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: số 430 đường T, Phường X5, quận G, Thành Hồ Chí M; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 6/12; Con ông Lê Hồng K và bà Đinh Thị Kim H2; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú ngày 09.8.2017 và bị tạm giữ ngày 10.8.2017, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Long Hòa (có mặt).

4. Trần Hoàng V1, Giới tính: nam; sinh ngày 24.5.2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 18/58/5 đường H, Phường X5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: bãi giữ xe ôtô không số, hẻm 310 đường D, Phường X5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông Trần Văn Đ và bà Lương Hồng N3, bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt ngày 08.8.2017, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức (có mặt).

- *Bị hại*: Em Đinh Trọng P1 - sinh ngày: 06.7.2001 (đã chết ngày 07.8.2017)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Đinh Trọng T4, sinh năm 1972 (cha ruột) (có mặt)

Địa chỉ: số 38/430[S] đường L, Phường X17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*

1. Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Quang N: Ông Lê Văn N3, sinh năm: 1952 (ông nội ruột) (có mặt)

Địa chỉ: số 129/3 đường L, Phường X4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: số 157/6 đường T, Phường X5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê M: Bà Đinh Thị Kim H2, sinh năm: 1980 (mẹ ruột) (có mặt)

Địa chỉ: số 430 đường T, Phường X5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bào chữa*:

1. Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T: Luật sư Phạm Văn L4 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Hoàng V1: Luật sư Lê Huyền Đ2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Quang N, Lê M: Luật sư Bàng Mạch L5 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người B vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đại diện hợp pháp của người bị hại: Luật sư Trần Thị Ngọc N4 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 06.8.2017, khi đang ngồi chơi với Lê Quang N (là nhân viên B vệ quán karaoke N7) ở quán karaoke N7 (số B5-B6 đường số 4, Phường X7, quận G) thì Lê M mượn xe môtô biển số 51X3-0575 của N để chở Nguyễn Chí T đi mua đồ ăn. Khi điều khiển xe đi ngang qua quán karaoke D2 (số 14 đường số 4, Phường X7, quận G) đối diện và hơi chếch về bên trái quán karaoke N7 thì M nẹt pô xe, sau đó chạy xe về quán karaoke N7.

Khoảng 15 P1t sau, Đinh Trọng P1 (lúc trước là nhân viên B vệ của quán karaoke D2, đã nghỉ làm nhưng đến quán để chơi) và Nguyễn Quốc B (là nhân viên B vệ quán karaoke D2) đi bộ đến trước quán karaoke N7 gặp N, M, T cùng một số người đang ngồi tại quán để hỏi về việc chạy xe nẹt pô dẫn đến việc 02 bên cự cãi, thách thức đánh nhau. Sau đó, P1 và B đi bộ về quán karaoke D2, P1 nói với B: "lấy dao chém chết mẹ nó".

Lúc này, M lấy xe môtô biển số 51X3-0575 chở N sang phòng trọ của N (số 156/7 đường T, Phường X5, quận G) để lấy 02 con dao có đặc điểm giống nhau (dài khoảng 38cm, cán dao bằng nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao tù), sau đó N kêu M chạy đến bãi giữ xe không số, hẻm 310 D, Phường X5, quận G đón Trần Hoàng V1. Khi gặp V1, N nói: "Cho tui mượn mấy cây đồ, bên quán D2 qua kiếm chuyện", V1 vào trong lấy 02 con dao (01 con dài khoảng 56,5cm cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao nhọn và 01 con dài khoảng 28,5cm cán dao màu đen, lưỡi dao bằng kim loại, mũi dao nhọn). Sau đó, M chở N và V1 về quán karaoke N7.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, N cầm con dao dài 28,5cm; M cầm con dao dài 38cm; V1 cầm con dao dài 56,5cm (còn 01 con dao dài 38cm để lại trên xe) cùng chạy xông vào trong quán karaoke D2 (tầng trệt nơi giữ xe) để tìm P1 nhưng không gặp. Lúc này, Nguyễn Minh T6 (là nhân viên B vệ quán karaoke D2) đứng ở cầu thang bộ cầm ghế xếp bằng inox đánh trúng vào người N nên N cầm dao chém T6 01 nhát nhưng không trúng, T6 đi lùi lên cầu thang thì bị M cầm dao chém 01 nhát trúng vào đùi trái sau đó N, M và V1 bị một số nhân viên rượt đuổi chạy ra khỏi quán karaoke D2 trở về quán karaoke N7.

Lúc này, T nổ máy xe môtô chờ sẵn trước quán karaoke N7, N vẫn cầm dao dài 28,5cm ngồi lên xe và ném con dao dài 38cm xuống đất, V1 vẫn cầm con dao dài 56,5cm ngồi lên xe, M ngồi lên xe và ném con dao đang cầm xuống đất, nhân viên quán karaoke N7 nhặt 02 con dao đang nằm dưới đất lên và đem vào trong quán cất giữ. T chở N, V1 và M chạy về hướng vòng xoay Nguyễn Huy Đ2 cách quán karaoke D2 khoảng 200m, do không thấy ai đuổi theo nên cả nhóm quay lại quán karaoke N7. N cầm con dao dài 28,5 cm chạy bộ đến quán karaoke D2, M chạy vào trong quán karaoke N7 lấy 02 con dao dài 38cm, M cầm 01 con dao và đưa cho T 01 con dao, M cầm dao chạy theo sau N, còn V1 và T cầm dao chạy theo sau M.

Khi N vừa chạy đến trước quán karaoke D2 thì P1 cũng chạy từ trong quán karaoke D2 ra cửa, 02 tay P1 cầm cây gỗ tròn dài 90cm đánh mạnh từ trên xuống vào người N, N đưa tay phải lên đỡ nhưng vẫn bị trúng vào vùng cổ vai trái, đồng thời tay trái N cầm dao đâm 01 nhát vào vùng ngực phải của P1. P1 vừa chạy lùi vào trong quán karaoke D2 vừa cầm cây gỗ đánh lại N, còn N vẫn tiếp tục đánh P1; khi chạy đến đoạn cầu thang bộ, P1 trượt chân té ngã nhưng đứng lên được, N chụp lấy cây gỗ của P1 và tiếp tục dùng dao đâm trúng 01 nhát vào vùng ngực trái của P1. Lúc này, M cũng vừa chạy đến, cầm dao chém vào hông trái của P1 01 nhát, P1 bỏ chạy vào bên trong rồi té ngã xuống đất.

Trong lúc đó, V1 và T cầm dao chạy đến trước quán karaoke D2 thì bị Nguyễn Hoàng P2 (là nhân viên B vệ quán karaokre T, đối diện quán karoke D2) cầm cây gỗ ném trúng V1 nên V1 và T cầm dao đuổi theo P2 chạy lên lầu của quán karaoke T, sau đó thì V1 và T không đuổi theo nữa mà cả 02 chạy vào bên trong quán karaoke D2, V1 chạy vào chỗ P1 đang nằm dùng dao chém 01 nhát vào lưng P1, còn T đứng tại cầu thang. Lúc này, N chạy ra ngoài thì bị Nguyễn Quốc B dùng ghế đánh nên N cầm dao chém làm rớt ghế xuống đất nên B bỏ chạy lên cầu thang, M cầm dao đuổi theo chém 01 nhát trúng vào mông trái của B.

Sau khi gây án, M điều khiển xe gắn máy trên chở N, T và V1 về bãi giữ xe nơi V1 đang sống để cất giấu con dao dài 28,5cm và 56,5cm; M tiếp tục chở N và T hướng về Quận 12 để trốn, trên đường đi N ném 01 con dao dài 38cm xuống Kênh nước đen (chưa truy tìm được), con dao còn lại thì M cất giấu ở gần ao rau muống Phường X5, quận G (công an đã thu giữ được). Riêng P1 được những người làm ở quán karaoke D2 đưa đến Bệnh viện Vũ A nhưng đã tử vong trước khi nhập viện.

Ngày 08.8.2017, Trần Hoàng V1 bị Công an quận Gò Vấp bắt khẩn cấp; sau đó, Lê Quang N, Lê M và Nguyễn Chí T đến Công an Phường X5, quận G đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Quang N, Lê M, Trần Hoàng V1 và Nguyễn Chí T thừa nhận hành vi như đã nêu trên.

* Kết quả giám định: Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Nguyên nhân tử vong của Đinh Trọng P1: Chết do sốc mất máu cấp bởi hai vết thương đâm thủng tim và hai phổi.

- Ở vị trí tiếp giáp giữa lưỡi dao và cán của con dao dài 28,5cm có dính máu, dấu vết không rõ, không đủ mẫu để xác định có phải máu người hay không; trên con dao dài 38cm không dính máu; trên cán gỗ của con dao dài 56,5cm có dính ít máu người, không đủ mẫu để xác định nhóm máu.

* Ngoài ra, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản giải thích pháp y với nội dung:

- Các vết thương ở môi trên bên trái, 02 vết thủng da nông ở cổ trái, ở liên sườn 4 ngực phải, ở liên sườn 1 ngực trái trên đường nách trước, ở thắt lưng phải, ở liên sườn lưng trái trên đường nách sau, ở xương sườn 10 vùng lưng trái, ở trước cổ tay phải. Các vết thương này điều có bờ mép sắc gọn, do vật sắc nhọn gây ra.

- Các vết trầy da và bầm tụ máu ở cằm trái, trầy da gối phải, trầy xước da ngón cái chân phải do tác động và tiếp xúc vật tày gây ra.

- Vết thương ở liên sườn 4 ngực phải, kích thước 3cmx1cm và vết thương ở liên sườn 1 ngực trái, kích thước 3,5cmx1,5cm đều có dạng hình bầu dục, bờ mép sắc gọn. Con dao dài 28,5cm, lưỡi dao dài 14,7cm, mũi nhọn, bản lưỡi chổ rộng nhất 3cm và con dao dài 56,5cm, lưỡi dao dài 35,5cm, mũi nhọn, bản lưỡi chổ rộng nhất 2,7cm. Hai con dao này đều có thể gây ra được 2 vết thương trên.

- Con dao dài 38cm, lưỡi dao dài 27cm, mũi bằng, bản lưỡi chỗ rộng nhất 4,4cm không gây ra được hai vết thương nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 82/2019/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2019 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Quang N, Lê M, Trần Hoàng V1 và Nguyễn Chí T phạm tội: "Giết người".

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Quang N 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08.8.2017.

Xử phạt bị cáo Lê M 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09.8.2017.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng V1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08.8.2017.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30.11.2018 trừ đi khoảng thời gian bị tạm giữ từ ngày 09.8.2017 đến ngày 19.8.2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29.3.2019 bị cáo Nguyễn Chí T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08.4.2019 đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị cấp Phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Chí T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Đinh Trọng T4 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Hoàng V1, Lê Quang N, Lê M. Riêng bị cáo Nguyễn Chí T thì phía người bị hại không có ý kiến.

Các bị cáo Trần Hoàng V1, Lê Quang N, Lê M, không có kháng cáo, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phân tích về tính chất mức độ hành vi phạm tội của tất cả các bị cáo và xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chí T. Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Đinh Trọng T4, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chí T chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại. Sửa quyết định bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Quang N, Lê M. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt: Bị cáo Lê Quang N mức án từ 11 đến 12 năm tù, bị cáo Lê M mức án từ 9 đến 10 năm tù. Riêng bị

cáo Trần Hoàng V1, vị kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên mức án sơ thẩm 12 năm tù.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án, vị luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử bị cáo Nguyễn Chí T 10 năm tù là chưa phù hợp, vì bị cáo T không trực tiếp gây ra cái chết cho người bị hại, chỉ là người tham gia dùng xe chở các bị cáo đến hiện trường gây án, hành vi của bị cáo chỉ phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự. Vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh cho bị cáo Nguyễn Chí T, và đưa ra các tình tiết xin giảm nhẹ cho bị cáo T như: Bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo thật thà, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có tác động gia đình khắc phục bồi thường cho gia đình người bị hại được 10 triệu đồng, Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Chí T.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo Lê Quang N, Lê M, cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án, vị luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Lê Quang N 09 năm tù, bị cáo Lê M 07 năm là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội các bị cáo có thật thà khai báo ăn năn hối cải; các bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng V1 cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án, vị luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phat bị cáo Trần Hoàng V1 12 năm tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, bị cáo V1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo có thật thà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho của gia đình người bị hại cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thế hiện trong hồ sơ vụ án, thống nhất với Bản cáo trạng đã truy tố, thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa Phúc thẩm, vị luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là quá nhẹ, vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo cua ông Đinh Trọng T4 đại diện cho gia đình người bị hại, yêu cầu xử tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Hoàng V1, Lê Quang N, Lê M.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa Phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, các vị Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T, và đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Đinh Trọng T4 trong hạn luật định và hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự Phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T và xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại.

Tại phiên tòa Phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung án sơ thẩm đã nêu, các bị cáo không kháng cáo về nội dung vụ án. Riêng bị cáo Nguyễn Chí T kháng cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy lời khai của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí T tuy không trực tiếp gây ra cái chết cho người bị hại nhưng bị cáo đã tham gia trong vụ án với vai trò giúp sức tích cực, bị cáo không những không ngăn cản các bị cáo khác mà còn nổ máy xe chờ sẵn bên ngoài nhằm mục đích chở các bị cáo N, M và V1 tẩu thoát sau khi xông vào quán karaoke D2 lần đầu tìm P1 đế chém; Lần thứ hai, bị cáo đã cùng với các bị cáo N, M và V1 cầm dao cùng xông vào quán karaoke D2 nhưng bị Nguyễn Hoàng P2 (là nhân viên B vệ quán karaokre T, đối diện quán karoke D2) cầm cây gỗ ném trúng nên đã cùng với bị cáo V1 cầm dao đuổi theo, do P2 chạy lên lầu của quán karaoke T nên bị cáo tiếp tục cầm dao quay trở lại và xông vào quán karaoke D2, tuy nhiên khi vào được bên trong thì các bị cáo N, M và V1 đang chạy ra nên bị cáo cũng chạy ra theo. Điều này thể hiện ý chí quyết T thực hiện tội phạm, việc bị cáo không tác động đến bị hại nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với các bị cáo N, M và V1 về tội "Giết người" với tình tiết định khung tăng nặng là có tính chất côn đồ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Chí T là đồng phạm về tội "Giết người", theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chí T là không có căn cứ để chấp nhận, bởi vì hành vi phạm tội của bị cáo là giúp sức cho các bị cáo khác phạm tội đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hương xấu đến an ninh trật tự trị an ở địa phương, tạo ra sự bất bình trong dư luận xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm nhằm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình có xem xét bị cáo Nguyễn Chí T chưa có tiền án tiền sự, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, sau khi phạm tội bị cáo đã đi đầu thú, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, nhưng bị cáo giết người

thể hiện tính chất côn đồ. Mức án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất hành vi của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có cung cấp bổ sung thêm tình tiết gì mới, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chí T,

Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Đinh Trọng T4, đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Quang N, Lê M, Trần Hoàng V1, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Quang N, bị cáo Lê M bởi vì mặc dù tuổi đời còn nhỏ nhưng các bị cáo có sử dụng hung khí và tích cực tham gia gây ra cái chết của người bị hại. Riêng đối với bị cáo Trần Hoàng V1, Tòa án cấp sơ thẩm xử 12 năm tù là có xem xét do đó giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chí T, chấp nhận một phần yêu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, sửa quyết định bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Quang N, và Lê M.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Chí T phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

Các quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1,2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chí T.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Người đại diện hợp pháp của bị hại, ông Đinh Trọng T4, tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Quang N, bị cáo Lê M.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 82/2019/HSST ngày 26.3.2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Quang N, Lê M.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Lê Quang N, Lê M, Trần Hoàng V1, Nguyễn Chí T, phạm tội: “Giết người”.

1/ Xử phạt bị cáo Lê Quang N 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ

ngày 08.8.2017

2/ Xử phạt bị cáo Lê M 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09.8.2017.

3/ Xử phạt bị cáo Trần Hoàng V1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08.8.2017.

4/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 30.11.2018 trừ đi khoảng thời gian bị tạm giữ từ ngày 09.8.2017 đến ngày 19.8.2017.

Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Quang N, Lê M, Trần Hoàng V1, Nguyễn Chí T để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Chí T, phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự Phúc thẩm.

Các quyết định khác của quyết định bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG CA tỉnh TP.HCM (1);
-ĐDBH (1);
-ĐDBC (2);
- Lưu (10) 25b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P1C THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười